

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2021

“V/v Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Bích Thủy;

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 473/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2020 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 5 kiệt 31 N, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 5 kiệt 31 N, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 30/9/2020, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị N trình bày:

Chị với anh Nguyễn Văn Ph có quá trình tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 14/10/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ anh Ph tại 5 kiệt 31 N, phường K, thành phố H đến cuối năm 2017 thì không ở với nhau nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khoảng đầu năm 2017, nguyên nhân do anh Ph hay nhậu nhẹt, mỗi lần nhậu về là đánh chị, đánh rất nhiều lần, dùng bạo lực đối với chị, anh Ph không lo làm ăn; tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra gây gổ, cãi vã nhau. Mỗi lần về thăm con là anh Ph đánh chị. Do mâu thuẫn vợ chồng nên khoảng tháng

8/2019 chị có xin ly hôn anh Ph, nhưng cho anh Ph cơ hội để sửa chữa, nhưng anh Ph không chịu sửa chữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn anh Ph.

Về con chung: Chị Na trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Th, sinh ngày 20/12/2013 và Nguyễn Kiều L, sinh ngày 20/6/2016. Ly hôn do chị thường xuyên đi làm ăn xa, nên giao 02 con cho anh Ph nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đồng cho 02 cháu.

Về tài sản chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có nợ chung.

* Phía bị đơn anh Nguyễn Văn Ph: Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Ph không đến Tòa án để làm việc nên không tiến hành lấy lời khai anh Ph được.

Con chung cháu Nguyễn Minh Th có nguyện vọng ở với anh Ph.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn không tuân thủ đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị N, cho chị Huỳnh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Minh Th, sinh ngày 20/12/2013 và Nguyễn Kiều L, sinh ngày 20/6/2016 cho anh Nguyễn Văn Ph nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000đồng/tháng/cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N trình bày không có, không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ phiên tòa lần thứ hai, nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn Ph vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Ph theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị N với anh Nguyễn Văn Ph có quá trình tìm hiểu nhau khoảng 01 năm rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố H vào ngày 14/10/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

tại nhà của bố mẹ anh Ph tại 5 kiệt 31 N, phường K, thành phố H đến cuối năm 2017 thì không ở với nhau nữa, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khoảng đầu năm 2017, nguyên nhân theo chị N trình bày do anh Ph hay nhậu nhẹt, mỗi lần nhậu về là đánh chị, đánh rất nhiều lần, dùng bạo lực đối với chị, anh Ph không lo làm ăn; tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra gây gổ, cãi vã nhau. Mỗi lần về thăm con là anh Ph đánh chị. Do mâu thuẫn vợ chồng nên khoảng tháng 8/2019 chị có xin ly hôn anh Ph, nhưng cho anh Ph cơ hội để sửa chữa, nhưng anh Ph không chịu sửa chữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N xin ly hôn anh Ph. Xét thấy hiện nay chị N vẫn một mực xin ly hôn anh Ph, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị N, cho chị N được ly hôn anh Ph là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Th, sinh ngày 20/12/2013 và Nguyễn Kiều L, sinh ngày 20/6/2016. Hiện 02 cháu đang ở với anh Ph tại nhà của mẹ anh Ph tại 5 kiệt 31 N, phường K, thành phố H. Do hiện tại chị phải đi làm ăn xa, nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc các cháu, nên có ý kiến hiện tại giao 02 con cho anh Ph nuôi, chị cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000đồng. Xét thấy hiện nay 02 cháu đang ở cùng với anh Ph và mẹ anh Ph tại 5 kiệt 31 N, phường K, thành phố H, hiện 02 cháu đang học tập, sinh sống tại địa chỉ trên, từ nhỏ cũng đã ở tại đó. Nay chị N là mẹ nhưng thường xuyên đi làm ăn xa để kiếm tiền nuôi con, nên chị có nguyện vọng giao 02 con cho anh Ph nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng mỗi cháu 1.500.000đồng mỗi tháng, sau này về Huế làm chị xin thay đổi nuôi con sau. Hiện nay anh Ph đang làm nghề lái xe, nên cần giao 02 con chung cho anh Ph nuôi, có mẹ anh Ph hỗ trợ chăm 02 cháu, chị N cấp dưỡng tiền nuôi 02 cháu là phù hợp với điều kiện sống hiện tại của 02 cháu, ổn định cuộc sống hiện tại.

[4] Về tài sản chung: Chị N trình bày không có, không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N trình bày không có, không có yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Huỳnh Thị N, tuyên xử chị Huỳnh Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

2. Về con chung: Giao 02 con chung cháu Nguyễn Minh Th, sinh ngày 20/12/2013 và Nguyễn Kiều L, sinh ngày 20/6/2016 cho anh Nguyễn Văn Ph nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Th và L đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Huỳnh Thị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng mỗi cháu 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Th và L đến tuổi thành niên (đủ 18) tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Huỳnh Thị N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị N trình bày không có, không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Huỳnh Thị N trình bày không có, không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000519 ngày 20/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên chị N không phải nộp tiếp.

6. Án xử sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường K, TP H (ĐKKH số 97 ngày 14/10/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

(Đã ký)

Trần Dũng